

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 47/2019/HS-ST
Ngày: 30 - 7 - 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Thanh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mười.

2. Ông Y Míp Niê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khắc Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2019/TLST- HS ngày 01 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị L** (tên gọi khác: N); sinh ngày 08 tháng 4 năm 1988, tại tỉnh Đắk Lắk;

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 6, phường K, thành phố B, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1963; Bị cáo có chồng là Trịnh Minh T, sinh năm 1989 và có 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền sự: Không.

Bị cáo có 02 tiền án, cụ thể:

- Năm 2016, bị Tòa án thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm theo Bản án số 144/2016/HSST ngày 21/6/2016.

- Năm 2018, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 105/2018/HSST ngày 26/4/2018. Tổng hợp

hình phạt 06 tháng tù của Bản án số 144/2016/HSST ngày 21/6/2016 buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chấp hành 12 tháng tù. Bị cáo chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, hiện đang tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1982 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 6, khối 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Ông Trịnh Minh T, sinh năm 1989 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường K, thành phố B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 45 phút ngày 12/4/2019, bà Nguyễn Thị M điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, biển kiểm soát 47 B1 - 668.85 chở Nguyễn Thị L đi từ thành phố Buôn Ma Thuột đến xã E, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk thăm người quen. Khi đến thôn T, xã E, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk thì L nói với M ghé vào quán ăn của bà Nguyễn Thị H để mua đồ ăn. Sau đó, L đi vào trong quán hỏi mua 02 tô cháo mang về, còn M ngồi ngoài chờ ở ghế đá bên ngoài quán. Lúc này, L phát hiện tủ kính đựng đồ ăn không khóa, bên trong có 01 chiếc điện thoại hiệu ViVo Y81 của bà H nên L nảy sinh ý định trộm chiếc điện thoại này. L nói bà H làm thêm 04 tô cháo nữa để L có thời gian lấy điện thoại. Trong lúc bà H đang làm cháo thì L thò tay vào tủ kính lấy chiếc điện thoại rồi nói bà H làm cháo lát nữa quay về lấy. Sau đó, L đi ra bỏ điện thoại vào túi áo khoác rồi nói với bà M là “đi đi” thì M nói lại “sao không lấy cháo rồi đi” thì L lại nói “đi đi, lát quay lại lấy sau”. Khi M vừa điều khiển xe chở L đi thì bà H phát hiện bị mất điện thoại và nghi ngờ L lấy trộm nên tri hô, đuổi theo và bắt giữ được L và M cùng chiếc điện thoại mà L vừa trộm được, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 17/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Krông Năng kết luận: Chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO Y81 có giá trị là 1.476.000 đồng (Một triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị L khai nhận về hành vi của mình phù hợp như nội dung kết luận điều tra và bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ hành vi

phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L mức hình phạt tù 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của Bản án số 105/2018/HSST ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 18 tháng tù đến 21 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Năng đã trả lại 01 điện thoại di động hiệu ViVo Y81 cho bà Nguyễn Thị H; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 47B-668.85 cho bị cáo và ông Trịnh Minh T; 01 điện thoại NOKIA 1202 màu xanh cho bà Nguyễn Thị M.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động màu đen, hiệu NOKIA 1202, số SERI: 358237031457217 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Năng và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị L tại phiên tòa hôm nay về cơ bản là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Nguyễn Thị L thừa nhận vào khoảng 08 giờ 45 phút ngày 12/4/2019, bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu ViVo Y81 của bà Nguyễn Thị H có giá trị tài sản định giá là 1.476.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

b) đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có đầy đủ khả năng nhận thức pháp luật. Biết hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo là người có hai tiền án đang trong thời gian hoãn chấp hành hình phạt tù vì nuôi con dưới 36 tháng tuổi, đáng lẽ bị cáo phải lấy đây là bài học để rèn luyện bản thân nhưng không rèn luyện mà lại tiếp tục phạm tội là thể hiện sự coi thường và bất chấp pháp luật. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản bị mất đã được thu hồi trả lại cho bị hại, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi của mình, bị cáo đang nuôi con dưới 36 tuổi, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Vào năm 2016, bị cáo Nguyễn Thị L bị Tòa án thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 144/2016/HSST ngày 21/6/2016. Năm 2018, bị cáo tiếp tục bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 105/2018/HSST ngày 26/4/2018. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chấp hành 12 tháng tù đều chưa được xóa án tích. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt nêu trên được xác định là căn cứ để định khung hình phạt nên lần phạm tội lần này của bị cáo không áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Với tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã trả lại 01 điện thoại di động hiệu ViVo Y81 cho bà Nguyễn Thị H và 01 điện thoại NOKIA 1202 màu xanh cho bà Nguyễn Thị M là chủ sở hữu hợp pháp. Xét việc trao trả trên là phù hợp nên cần chấp nhận.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 47B-668.85 mang tên Trịnh Minh T. Đây là tài sản chung của bị cáo và ông T, khi bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp ông T không biết, đồng thời bị cáo không có ý định dùng xe mô tô này để đi trộm cắp. Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Năng đã trả lại xe mô tô trên cho bị cáo và ông T, việc trao trả trên là phù hợp nên cần chấp nhận.

- Đối với 01 điện thoại di động màu đen, hiệu NOKIA 1202, số SERI: 358237031457217 của bị cáo không được dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Các nội dung khác: Trong vụ án này, bà Nguyễn Thị M là người chở bị cáo đến xã E, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk không nhằm mục đích trộm cắp, khi L thực hiện trộm cắp tài sản của bà H không bàn bạc với M. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Năng không xử lý đối với bà M là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 12 (mười hai) tháng tù tại Bản án số 105/2018/HS-ST ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 18 (mười tám) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản gồm: 01 điện thoại di động hiệu ViVo Y81 cho bà Nguyễn Thị H; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 47B-668.85 cho bị cáo và ông Trịnh Minh T; 01 điện thoại NOKIA 1202 màu xanh cho bà Nguyễn Thị M.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị L 01 điện thoại di động màu đen, hiệu NOKIA 1202, số SERI: 358237031457217 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án. (Đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2019 giữa

Công an huyện Krông Năng với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk).

Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ giám đốc kiểm tra 1;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Krông Năng;
- Bị cáo, các đương sự;
- Thi hành án phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Tạ Thanh Hoàng